TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 1 - THANH HOÁ	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 121/2026/HNGĐ-ST	
Ngày: 31 - 07 - 2026	
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Tuệ Tân

Bà Phạm Thị Việt Nga

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Trần Đình Tú - Thư ký Toà án nhân thành khu vực 1 - Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 1 - Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Trịnh Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 07 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân khu vực 1 - Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 322/2026/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 03 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1027/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 06 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 1026/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 07 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1993;

CCCD số: 051193016049.

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Số H H, phường A, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu S, sinh năm 1988.

CCCD số: 038088015991.

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Số A Đ, phường H, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên toà vắng mặt chị M, anh S. Chị M đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh S vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi và anh Nguyễn Hữu S quen biết và đến với nhau trên cơ sở tình yêu chân chính và tự nguyện đến với nhau, không ai ép buộc ai. Sau một thời gian tìm hiểu yêu thương, chúng tôi quyết định đi đến hôn nhân, chúng tôi có Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Đ, TP . (nay là phường H), tỉnh Thanh Hóa vào ngày 07/12/2015. Cuộc sống hôn nhân sau khi kết hôn vợ chồng yêu thương chăm sóc và lo lắng vun đắp hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên hạnh phúc gia đình không được bao lâu vợ chông tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không ai còn yêu thương ai, mặc ai sống ra sao thì sống không ai còn quan tâm tới ai. Nguyên nhận của sự mâu thuẫn là do anh Nguyễn Hữu S chơi bời cờ bạc, phát sinh nợ nần gây mất tình cảm gia đình, làm khổ vợ con, từ đó chúng tôi thường xuyên cãi lộn, gây gỗ xúc phạm đến nhau, chúng tôi đã ly thân với nhau từ năm 2023 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Hữu S.

- *Về con chung:* Tôi và anh Nguyễn Hữu S có với nhau 02 con chung, tên các con là: Nguyễn Kiên P, sinh ngày 14/10/2016 và Nguyễn Hoàng Ý P1, sinh ngày 18/08/2022. Kể từ khi cháu P và cháu P1 được sinh ra đều do tôi chăm sóc, anh S không hề cấp dưỡng hay chăm sóc cho con, kể từ khi vợ chồng ly thân đầu năm 2023 đến nay, anh S cũng không hỏi han, thăm nom cũng như chu cấp cho các con, hiện nay hai cháu P và P1 đang ở cùng tôi tại số H H, phường A, thành phố Hồ Chí Minh, được tôi chăm sóc, nuôi dưỡng cho ăn học đầy đủ. Khi ly hôn tôi yêu cầu Toà án giao cho tôi là người được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi 02 con Nguyễn Kiên P và Nguyễn Hoàng Ý P1 trưởng thành và tự lập được. Tôi không yêu cầu anh Nguyễn Hữu S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chúng tôi không có tài sản chung và không có nợ gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Hữu S để làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của chị M nhưng anh S không có mặt nên không có lời khai của anh S và các bên không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án..

Qua xác minh tại địa phương thể hiện: Tình trạng hôn nhân của chị M và anh S là có mâu thuẫn.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị M đã

thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, anh S không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Hữu S. Giao 02 cháu Nguyễn Kiên P, sinh ngày 14/10/2016 và Nguyễn Hoàng Ý P1, sinh ngày 18/08/2022 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Hữu S và yêu cầu được nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Hữu S có nơi cư trú tại số nhà A Đ, phường H, tỉnh Thanh Hóa vì vậy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân khu vực 1 – Thanh Hoá là Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

[3] Về tố tụng:

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh Nguyễn Hữu S không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh S theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Anh S đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh S đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Toà án cũng đã triệu tập hợp lệ anh S lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng anh S vẫn không có mặt mà không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt anh S.

Chị Nguyễn Thị M đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt chị M.

[4] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Hữu S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/12/2015 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa (nay là UBND phường H, tỉnh Thanh Hóa) và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân từ

tháng 2023 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai, vấn đề này cũng đã được UBND phường H xác nhận. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh S lên làm việc để anh S được bày tỏ quan điểm, ý kiến và nguyện vọng của mình nhưng anh S đều không có mặt, thể hiện anh S không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ chị M, anh S đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị M được ly hôn anh S.

[5] Về con cái: Chị M và anh S có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Kiên P, sinh ngày 14/10/2016 và cháu Nguyễn Hoàng Ý P1, sinh ngày 18/08/2022. Xét thấy, hai cháu Kiên P và Ý P1 đều đang còn nhỏ, hiện tại cả hai cháu đều đang ở với chị M, cháu P có nguyện vọng được ở với mẹ .Kể từ khi chị M và anh S ly thân đến nay, hai cháu ở với chị M và do chị M chăm sóc, nuôi dưỡng, anh S không thăm nuôi, chăm sóc hay cấp dưỡng cho con. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho các cháu, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị M, giao cả hai cháu P và P1 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, để đảm bảo ổn định về tinh thần và môi trường sống cho các cháu, do chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên anh S không phải thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

[7] Về án phí: Chị M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

[8]Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Thanh Hoá tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227; 228; 271; 273 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Hữu S.

2. Về con cái: Công nhận chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Hữu S có hai con chung là cháu Nguyễn Kiên P, sinh ngày 14/10/2016 và cháu Nguyễn Hoàng Ý P1, sinh ngày 18/08/2022. Giao cháu hai cháu Kiên P và Ý P1 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh S có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn nhưng được trừ vào số tiền chị M đã nộp tạm ứng tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá, theo biên lai số 0001979 ngày 17/03/2026, chị M đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị M, anh S. Chị M, anh S có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND, TAND tỉnh Thanh Hoá.
-VKSND kv1 Thanh Hoá;
-Các đương sự;
-UBND phường Hàm Rồng;
-THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tân

TAND KHU VỰC 1
TC2310726.TL.QDBA
1938